

Số: 28796/QĐ-SNV

Hải Phòng, ngày 19 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai giao số tiết kiệm 10% chi thường xuyên
dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi
người có công với cách mạng**

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 28163/QĐ-SNV ngày 14/11/2025 của Sở Nội vụ về việc giao số tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ

trưởng các phòng, ban và đơn vị thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- UBND thành phố;
- Công thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Vũ Tiến Phụng

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ NỘI VỤ

TỔNG HỢP
CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NSNN NĂM 2025
Chương 035

(Kèm theo Quyết định số 28796/QĐ-SNV ngày 19/11/2025 của Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên đơn vị	Mã số ĐVSDNS	Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch	Mã KBNN	Kinh phí
1	Văn phòng Sở	1134361	KBNN Khu vực III	0061	2.793.537.000